**BẢNG GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG GÓP Ý VÀO DỰ THẢO HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN ĐẦU TƯ ÁP DỤNG HOẶC CHUYỂN ĐỔI**

**CÔNG NGHỆ MỚI, TIÊN TIẾN, CÔNG NGHỆ SẠCH THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG GÓP Ý** | **ĐƠN VỊ GÓP Ý** | **Ý KIẾN GÓP Ý** | **PHƯƠNG ÁN TIẾP THU, XỬ LÝ** | **Ghi chú** |
| **I** | **VỀ DỰ THẢO KHUNG NGHỊ ĐỊNH** |
| 1 | Tên Nghị định | Tất cả các cơ quan | Tất cả các cơ quan không có ý kiến về tên gọi của Nghị định | Giữ nguyên tên gọi của Nghị định như trong dự thảo |  |
| 2 | Căn cứ pháp lý | Tất cả các cơ quan | Tất cả các cơ quan không có ý kiến khác so với nội dung trong dự thảo khung của Nghị định | Giữ nguyên như trong dự thảo khung của Nghị định. |  |
| 3 | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh | Bộ Tư pháp | Phạm vi điều chỉnh của Nghị định được xác định bám sát nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 357/QĐ-TTg. Tuy nhiên, đề nghị làm rõ hơn về việc khuyến khích cho khâu chế biến hay cả khâu sản xuất nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường. | Tiếp thu ý kiến và đã làm rõ về phạm vi điều chỉnh của Nghị định quy định về chính sách khuyến khích cho các cơ sở sản xuất và chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường cho khâu bảo quản, chế biến. Các chính sách dự kiến xây dựng cũng sẽ bám sát phạm vi điều chỉnh này. |  |
| 4 | Điều 2. Đối tượng áp dụng |  | Không có ý kiến góp ý |  |  |
| 5 | Điều 3. Giải thích từ ngữ | Ngân hàng Nhà nước | Tại Điều 3 của dự thảo khung Nghị định, đề nghị bổ sung giải thích các thuật ngữ, khái niệm, các xác định sản phẩm chủ lực của địa phương, sản phẩm ưu tiên, sản phẩm quốc gia, đổi mới công nghệ… | - Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã bổ sung giải thích các thuật ngữ, khái niệm: “sản phẩm quốc gia” (theo khái niệm đã được nêu tại Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020); “sản phẩm chủ lực” (tham khảo khái niệm đã được nghiên cứu, đề xuất tại Luận án tiến sĩ “Xác định sản phẩm chủ lực và phát triển sản phẩm chủ lực Đồng bằng Sông Cửu Long” của tác giả Nguyễn Hồng Gấm (2013), nghiên cứu tại Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh; “đổi mới công nghệ” (theo giải thích từ ngữ tại Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/NĐ-CP).- Khái niệm sản phẩm ưu tiên đã được chú thích là gồm sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, sản phẩm truyền thống.... |  |
| 6 | Điều 4. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ |  | Không có ý kiến góp ý |  |  |
| 7 | Điều 5. Danh mục công nghệ được ưu tiên đầu tư áp dụng, đổi mới công nghệ;và Điều 6. Danh mục đối tượng ứng dụng được ưu tiên đầu tư áp dụng, đổi mới công nghệ | Ngân hàng Nhà nước | Tại Chương II Danh mục công nghệ và đối tượng được ưu tiên, đề nghị xem xét, bổ sung quy định danh mục các công nghệ mới, tiên tiến, sạch, thân thiện với môi trường được áp dụng và yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể khi áp dụng (chỉ phải đáp ứng một yêu cầu hay phải đáp ứng tất cả yêu cầu) để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị liên quan khi triển khai vào thực tế. | - Tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành. - Bộ KH&CN đã rà soát, bổ sung lý do các công nghệ chỉnh sửa theo hướng tập trung quy định theo 4 nhóm công nghệ và 5 nhóm đối tượng ưu tiên khuyến khích, hỗ trợ cho phù hợp với cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản.- Đối với Danh mục chi tiết các công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường sẽ được xây dựng đưa ra tại phụ lục kèm theo Nghị định này trên cơ sở dẫn chiếu danh mục công nghệ đã được quy định tại một số văn bản pháp luật hiện hành và phối hợp với các Bộ quản lý chuyên ngành đưa ra các tiêu chí để xây dựng bổ sung các công nghệ ưu tiên phù hợp đối với lĩnh vực bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản và được thực hiện ở buwocs tiếp theo. |  |
| Bộ Tài nguyên và Môi trường | Đối với nhóm chính sách 1, bên cạnh quy định danh mục công nghệ được ưu tiên hỗ trợ (danh mục cứng), cần cân nhắc bổ sung nội dung xây dựng bộ tiêu chí xác định công nghệ mới tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường để áp dụng trong trường hợp công nghệ là mới, tiên tiến nhưng chưa thể cập nhật trong Nghị định (do công nghệ luôn thay đổi theo thời gian). |  |
| Bộ Tài chính | Về danh mục công nghệ và đối tượng áp dụng (Điều 5), liên quan đến lĩnh vực công nghệ cao, nông, lâm, thủy sản có nhiều danh mục ngành nghề khác nhau như: Danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển; Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia; Danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp và nông thôn; Danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp... Như vậy, việc quy định lĩnh vực/ngành nghề tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau gây khó khăn cho cả nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về cấp phép dự án đầu tư và áp dụng mức ưu đãi đầu tư. Vì vậy, đề nghị Bộ KH&CN rà soát tổng thể các ngành nghề này và đánh giá tổng thể tình hình thực hiện. Trên cơ sở đó, bổ sung thuyết minh cụ thể lý do đề xuất danh mục 04 công nghệ và 05 đối tượng được ưu tiên đầu tư áp dụng, đổi mới công nghệ đảm bảo tránh trùng lắp với danh mục được ưu tiên hiện có. |  |
| Bộ NN&PTNT | Đề nghị bổ sung công nghệ xử lý các phụ phẩm trong nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, phân bón, chất đốt… để nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp và giảm phát thải vào Danh mục công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện môi trường được ưu tiên. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã sửa, bổ sung làm rõ công nghệ xử lý, chế biến các phụ phẩm trong nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, phân bón, chất đốt… để nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp và giảm phát thải vào Danh mục công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện môi trường được ưu tiên (khoản 3 Điều 5 Chương III dự thảo khung Nghị định). |  |
| 8 | Điều 7. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước Điều 8. Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn kinh phí của các cơ sở sản xuất, chế biến tự đầu tư, đổi công nghệ Điều 9. Hỗ trợ một số nội dung do cơ sở sản xuất, chế biến tự đầu tư | Bộ Tài chính | Về chính sách KH&CN (Điều 7- Điều 9), hiện nay hệ thống các văn bản pháp luật đã quy định đầy đủ chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng KH&CN trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó có lĩnh vực phát triển nông, lâm, thủy sản. Vì vậy, đề nghị Bộ KH&CN làm rõ các cơ sở, căn cứ đưa ra định hướng quy định cụ thể tỷ lệ hỗ trợ kinh phí từ NSNN đối với từng nhiệm vụ, từng nội dung, hoạt động của dự án. Việc quy định cụ thể tỷ lệ hỗ trợ từ NSSN cần căn cứ: (i) tình hình triển khai thực tế thời gian qua; (ii) dự kiến các nhiệm vụ cần triển khai; (iii) khả năng cân đối từ nguồn lực NSNN; (iv) mối quan hệ giữa nguồn lực NSNN với các nguồn lực khác, trong đó có vai trò quan trọng của nguồn lực doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã sửa, bổ sung làm rõ cơ sở nội dung hỗ trợ, khuyến khích thực hiện các nhiệm vụ, nội dung về KH&CN tại Tờ trình theo hướng trên cơ sở chỉ dẫn làm rõ tại các quy định hiện hành. Trường hợp đối với các nhiệm vụ, nội dung hỗ trợ cụ thể khác chưa được quy định tại các văn bản pháp luật sẽ được đề xuất mức quy định và nguồn hỗ trợ, trong đó ưu tiên đầu tư từ nguồn lực của doanh nghiệp (Quỹ Phát triển KH&CN của doanh nghiệp), sẽ bổ sung các quy định cụ thể trong quá trình soạn thảo nội dung chi tiết của Nghị định ở bước tiếp theo. |  |
| Ngân hàng Nhà nước | Khoản 4 Điều 9, đề nghị xem xét bỏ Khoản này do việc xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định. | Tiếp thu một phần ý kiến, Bộ KH&CN đã loại bỏ chính sách hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, tuy nhiên đề nghị giữ lại chính sách hỗ trợ cho hoạt động xây dựng thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ, triển lãm, phát triển tiêu thụ sản phẩm. Bởi vì, đây là các chính sách về hoạt động KH&CN sẽ thúc đẩy hoạt động đầu tư, đổi mới công nghệ, góp phần phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản. |  |
| 9 | Điều 10. Ưu đãi thuế thu nhậpĐiều 11. Ưu đãi về thuế nhập khẩuĐiều 12. Ưu đãi về thuế xuất khẩuĐiều 13. Ưu đãi thuế giá trị gia tăngĐiều 14. Ưu đãi thuế thu nhập cao | Bộ Tài chính | Về chính sách ưu đãi thuế (Điều 10- Điều 14), các ưu đãi thuế đã được quy định cụ thể tại các Luật thuế theo lĩnh vực, địa bạn cụ thể. Việc ban hành các chính sách ưu đãi thuế mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội và phải quy định tại Luật thuế. Pháp luật thuế hiện hành đã quy định ưu đãi ở mức cao nhất đối với lĩnh vực nông nghiệp (trong đó có lĩnh vực sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường) nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, tháo gỡ khó khăn cho đời sống nhân dân. Vì vậy, để tránh chồng chéo, không phù hợp với quy định tại các Luật thuế, đề nghị Bộ KH&CN bỏ nội dung quy định về ưu đãi thuế từ Điều 10 đến Điều 14 và sửa lại theo hướng “Việc ưu đãi về thuế thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế”. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã điều chỉnh dự thảo khung Nghị định theo hướng “Việc ưu đãi về thuế thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế” và gộp từ Điều 10 đến Điều 14 thành một Điều 10.Đồng thời chỉ quy định dẫn chiếu cụ thể các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập, thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cao tại các văn bản pháp luật về thuế phù hợp với lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản nhằm tạo điều diện cho các cơ sở thuận lợi trong quá trình thực hiện. |  |
| 10 | Điều 15 đến Điều 17 (các chính sách về đất đai và hạ tầng) | Các cơ quan | - Không có ý kiến góp ý về chính sách đất đai và hạ tầng. - Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất với dự thảo khung của Nghị định. |  |  |
| 11 | Điều 18. Ưu đãi tín dụng cho cơ sở sản xuất, chế biến | Ngân hàng Nhà nước | Về Mục 4 Chương III Chính sách về tài chính và Chương IV Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ: Các nội dung trong dự thảo Nghị định cần quy định cụ thể, chi tiết để triển khai thực hiện. | Bộ KH&CN tiếp thu và sẽ bổ sung các quy định cụ thể trong quá trình soạn thảo nội dung chi tiết của Nghị định ở bước tiếp theo. |  |
| Tại khoản 1 Điều 18, trên cơ sở làm rõ căn cứ cần thiết về chính sách ưu đãi tín dụng, Dự thảo cần quy định rõ nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ. | Bộ KH&CN tiếp thu làm rõ trong Tờ trình. Việc xây dựng chính sách tín dụng ưu đãi cho đầu tư là nhu cầu cấp thiết của tất cả tổ chức, doanh nghiệp nói chung. Vì vậy, việc xây dựng chính sách ưu đãi tín dụng cho các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường là một chính sách tốt.Về nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ có thể thông qua gói tín dụng ưu đãi được cấp từ ngân sách nhà nước, thông qua cơ chế bù lãi suất được triển khai ở các ngân hàng chính sách, ngân hàng thương mại. Với chính sách hỗ trợ bù lãi suất thì thông qua sự hỗ trợ, ưu đãi một phần từ nhà nước sẽ huy động, kích thích đầu tư các doanh nghiệp đầu tư mới, chuyển đổi công nghệ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tạo thêm công ăn, việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. |  |
| Khoản 2 Điều 18, đề nghị xem xét bỏ nội dung ưu đãi cho vay để thương mại hóa sản phẩm vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã lược bỏ nội dung ưu đãi cho vay để thương mại hóa sản phẩm. |  |
| 12 | Điều 19. Hỗ trợ vay vốn |  | Không có ý kiến góp ý |  |  |
| 13 | Điều 20. Quy định cụ thể sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, doanh nghiệp | Bộ Tài chính | Tại Điều 20của dự thảo có nội dung“Quy định cụ thể các nội dung, chính sách đặc thù cụ thể sử dụng Quỹ phát triển của doanh nghiệp cho đầu tư mua các thiết bị, hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đối với lĩnh vực sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản theo quy định”. Bộ Tài chính nhận thấy hiện nay nội dung chi của Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp đã được quy định tại Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN và Điều 10 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ. Vì vậy, đề nghị Bộ KH&CN bổ sung thuyết minh sự cần thiết bổ sung quy định nêu trên tại dự thảo của Nghị định. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đề nghị bỏ nội dung chi của Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp do đã được quy định chi tiết tại Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN và Điều 10 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ. |  |
| 14 | Điều 21. Nguồn vốn hỗ trợ | Bộ Tài chính | Đối với nội dungdự thảo tại khoản 3 Điều 9 và khoản 1 Điều 21, đề nghị Bộ KH&CN nghiên cứu đối tượng được hỗ trợ kinh phí đầu tư từ NSNN đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công (Lý do là phạm vi Nghị định rộng gồm tất cả các sơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản). | Các chính sách hỗ trợ như trong dự thảo của Nghị định không theo cơ chế hỗ trợ đầu tư công mà thực hiện theo Luật KH&CN, Luật Chuyển giao công nghệ. Các đối tượng áp dụng như đã nêu tại khoản 1 Điều 2 sẽ được hỗ trợ theo quy định khi đăng ký tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ. |  |
| 15 | Điều 22. Cơ chế hỗ trợ |  | Không có ý kiến góp ý |  |  |
| 16 | Điều 23 đến Điều 28 (các điều khoản về trình tự và thủ tục thực hiện ưu đãi và hỗ trợ). |  | Không có ý kiến góp ý |  |  |
| 17 | Điều 29. Trách nhiệm của bộ, ngành | Ngân hàng Nhà nước | Đề nghị bổ sung quy định trách nhiệm cụ thể của các bộ, ngành vào Dự thảo Nghị định. | Tiếp thu, Bộ KH&CN sẽ bổ sung phần quy định trách nhiệm chi tiết của các bộ, ngành ở bước xây dựng chi tiết dự thảo Nghị định. |  |
| 25 | Điều 30. Trách nhiệm của địa phương |  | Không có ý kiến góp ý |  |  |
| 26 | Điều 31 đến Điều 33 (các điều khoản về thi hành) |  | Không có ý kiến góp ý |  |  |
| **II** | **DỰ THẢO TỜ TRÌNH** |  |
| 1 | Sự cần thiết/ tính cấp thiết xây dựng nghị định | Các cơ quan | Các Bộ đã có ý kiến bằng văn bản đều thống nhất việc Bộ KH&CN đề nghị xây dựng Nghị định quy định chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường là đúng nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. | Bộ KH&CN đã tiếp tục hoàn thiện nội dung liên quan đến đánh giá tình hình triển khai các văn bản pháp luật liên quan đến chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường, từ đó làm rõ hơn sự cần thiết, tính cấp thiết của việc xây dựng và ban hành văn bản. |  |
| Bộ Tư pháp | - Dự thảo Tờ trình cần làm rõ sự cần thiết xây dựng Nghị định căn cứ trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Chương trình hành động của Chính phủ; yêu cầu quản lý, điều hành của Chính phủ cần phải điều chỉnh bằng nghị định;…- Việc đề nghị xây dựng Nghị định nếu là vì lý do các ưu đãi, hỗ trợ được quy định tải mạn tại nhiều văn bản mà phải xây dựng để hệ thống hóa các ưu đãi hỗ trợ là chưa hợp lý. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã bổ sung, làm rõ tính cấp thiết của việc xây dựng Nghị định dựa trên 3 lý do chính, đó là:- Thực trạng của các ngành nông, lâm, thủy sản là công nghệ lạc hậu, tổn thất sau thu hoạch còn lớn, chất lượng sản phẩm không cao, tỉ lệ sản sản phẩm có giá trị gia tăng còn thấp; hầu hết các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản ở quy mô nhỏ và vừa, thiếu nguồn lực (vốn, công nghệ, nhân lực,...) để phát triển. Do vậy, cần thiết phải nghiên cứu, ban hành những cơ chế, chính sách đủ mạnh để ưu đãi, hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư mới hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch phục vụ sản xuất, chế biến sâu, góp phần đa dạng hóa chủng loại, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế, tạo giá trị gia tăng cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.- Cụ thể hóa đường lối, định hướng chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về thúc đẩy sự phát triển của các ngành nông, lâm, thủy sản, đặc biệt quan tâm tới vấn đề đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu, đổi mới công nghệ.- Bổ sung những hướng dẫn, quy định thuận lợi hơn để thực thi những chính sách hiện hành đã có, tạo sự thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thụ hưởng. |  |
| Bộ Tư pháp | Cần làm rõ tồn tại, bất cập trong việc khuyến khích cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường là do thiếu quy định pháp luật hay do thực hiện quy định pháp luật để có giải pháp xử lý cho phù hợp hơn. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã bổ sung làm rõ những tồn tại, bất cập trong việc khuyến khích cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường, bao gồm nguyên nhân cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh cũng như một số vướng mắc trong quá trình thực thi chính sách. |  |
| Ngân hàng Nhà nước | Đánh giá thực trạng hoạt động, khả năng áp dụng chuyển đổi công nghệ, nhu cầu phát triển và hỗ trợ của các đối tượng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và chỉ ra khoảng trống chính sách cần hỗ trợ làm cơ sở đề xuất chính sách, tránh trùng lắp với các chính sách đã được triển khai, áp dụng. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã thực trạng, khó khăn, nhu cầu đầu tư đổi mới công nghệ của các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản. |  |
| Bộ Công Thương | Tại dự thảo Tờ trình, tại mục 1, Phần I - Sơ lược phát triển của ngành công nghiệp chế biến, đề nghị cân nhắc hiệu chính tên đề mục này thành “Sơ lược về phát triển ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản” đề phù hợp với tên của Nghị định dự kiến. Đồng thời, phần này cần nhấn mạnh hơn vai trò, ý nghĩa về kinh tế và xã hội của ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản để thấy được những bất cập, cần thiết phải ban hành chính sách khuyến khích cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường. | Tiếp thu ý kiến, tại dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ KH&CN đã điều chỉnh tên của mục 1 Phần I là “Thực trạng phát triển của các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản”. Đồng thời bổ sung, làm rõ sự cần thiết phải ban hành chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường. |  |
| Ngân hàng Nhà nước | Đề nghị xem xét lại nhận định về khó khăn tiếp cận tín dụng và tín dụng ưu đãi theo các chính sách hỗ trợ của Chính phủ tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã rà soát, sửa làm rõ những khó khăn khi tiếp cận tín dụng và tín dụng ưu đãi theo các chính sách hỗ trợ của Chính phủ tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg cho phù hợp. |  |
| Ngân hàng Nhà nước | Đề nghị cập nhật, dẫn chiếu các quy định theo Nghị định 32/2017/NĐ-CP thay thế cho Nghị định 75/2011/NĐ-CP đã hết hiệu lực. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã bổ sung, chỉnh sửa. |  |
| Ngân hàng Nhà nước | Hiện nay Bộ NN&PTNT đang là đơn vị đầu mối xây dựng dự thảo Nghị định đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp (thay thế Quyết định số 68/2013/NĐ-CP) để phù hợp hơn với thực tế. Do đó, khi xây dựng Nghị định này cần phối hợp với Bộ NN&PTNT để tránh sự trùng lặp. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN tiếp tục phối hợp với Bộ NN&PTNT để rà soát phạm vi điều chỉnh, nội dung chính sách của hai Nghị định, tránh sự trùng lặp. |  |
| Ngân hàng nhà nước | Đề nghị xem xét lại các nhận định tại điểm đ Chính sách 5 (Chính sách ưu đãi, hỗ trợ về tài chính): “Riêng chính sách tín dụng đối với các dự án đầu tư vào ngành nông, lâm, thủy sản được quy định tại một số văn bản (Nghị định 57/2018/NĐ-CP; Nghị định 75/2011/NĐ-CP, Luật Hỗ trợ DNNVV) nhưng chưa được quy định cụ thể cho các cơ sở sản xuất đầu tư, đổi mới công nghệ”. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã rà soát, bổ sung làm rõ chính sách ưu đãi, hỗ trợ về tài chính. |  |
| 2 | Mục đích quan điểm xây dựng văn bản |  | Không có ý kiến góp ý |  |  |
| 3 | Quá trình thực hiện |  | Không có ý kiến góp ý |  |  |
| 4 | Nội chính của đề nghị xây dựng nghị định | Bộ Tư pháp | - Dự thảo Tờ trình đưa ra 06 chính sách. Tuy nhiên chưa đưa ra được giải pháp thực hiện chính sách (chính sách 3, 4) hoặc đưa ra giải pháp phù hợp (chính sách 1, 2, 5). Các giải pháp tại chính sách 1, 2, 5 là công việc thực hiện để xây dựng chính sách mà không phải là giải pháp thực hiện chính sách. Đề nghị nghiên cứu để đưa ra các giải pháp phù hợp.- Danh mục công nghệ là cơ sở (giải pháp) để xác định đối tượng ưu tiên, ưu đãi mà không phải là giải pháp thực hiện chính sách. Đề nghị nghiên cứu xác định chính xác các chính sách cần ban hành. | - Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã rút gọn từ 06 chính sách xuống còn 04 chính sách và đã được sửa trong dự thảo Nghị định, bao gồm các chính sách: (i) khoa học và công nghệ; (ii) thuế; (ii) đất đai và hạ tầng; (i) tài chính.  |  |
| Bộ NN&PTNT | Nội dung chính sách mới chủ yếu đề cập đến khuyến khích các cơ sở chế biến, đề nghị bổ sung các chính sách khuyến khích cơ sở sản xuất nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường. | Phạm vi điều chỉnh của Nghị định quy định về chính sách khuyến khích cho các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường cho khâu bảo quản, chế biến. |  |
| Ngân hàng Nhà nước | Đề xuất thiết lập “Gói tín dụng ưu đãi đặc biệt” thì cần làm rõ: (i) Nguồn kinh phí hỗ trợ vay vốn và (ii) Cơ chế hỗ trợ vay vốn để đảm bảo khả thi của chính sách đề xuất. | Bộ KH&CN tiếp thu ý kiến và bỏ đề xuất thiết lập “Gói tín dụng ưu đãi đặc biệt”, chỉ đưa vào cơ chế hỗ trợ lãi xuất cho vay đầu tư. |  |
| Bộ Công Thương | Việc áp dụng các chính sách, biện pháp hỗ trợ cho ngành này, cho dù không gắn với tiêu chí xuất khẩu vẫn có thể bị các nước nhập khẩu điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và hội nhập sâu rộng như hiện nay. Do vậy, để giảm thiểu nguy cơ này, đề nghị Bộ KH&CN cân nhắc các chính sách, biện pháp hỗ trợ cũng như các chương trình, dự án trong khuôn khổ của Nghị định này về cơ bản nên được xây dựng theo hướng hỗ trợ gián tiếp như đào tạo nâng cao kỹ thuật nuôi trồng, chế biến và cơ giới hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của cơ sở/doanh nghiệp sản xuất, chế biến. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã rà soát, chỉnh sửa theo hướng lược bỏ các nội dung hỗ trợ có nguy cơ bị kiện như hỗ trợ trực tiếp kinh phí. Tập chung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ gián tiếp như: hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ; hỗ trợ về đất đai, hạ tầng; hỗ trợ đào tạo; ưu đãi lãi suất vay. |  |
|  |  | Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | Xác định địa bàn ưu đãi cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản được quy định trong văn bản cấp luật hay nghị định? Nếu quy định trong văn bản cấp luật thì việc dự thảo Nghị định bổ sung thêm địa bàn được hưởng ưu đãi dường như chưa đảm bảo tính thống nhất. Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thêm nội dung làm rõ về tính pháp lý của đề xuất chính sách này. | Việc xác định địa bàn ưu đãi đối với các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản được quy định trong các văn bản cấp luật có liên quan. Trong dự thảo Nghị định không quy định về chính sách địa bàn được hưởng ưu đãi. Theo đó, trong nội dung dự thảo Nghị định có xây dựng một số nội dung về hoạt động khoa học và công nghệ được triển khai trên một số địa bàn thì được ưu tiên.  |  |
|  |  | Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | Theo như phân tích tại Dự thảo thì hiện nay các quy định về ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản đã được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, vì vậy Dự thảo đề xuất chính sách theo hướng chỉ dẫn chiếu tới các văn bản quy định hoặc quy định riêng về các chính sách ưu đãi vừa không cần thiết (vì doanh nghiệp có thể tra cứu tại các văn bản quy định tương ứng để nhận biết ưu đãi) vừa chưa đảm bảo tính thống nhất (do có thể “vênh” so với các quy định hiện hành). Để đảm bảo tính minh bạch và thống nhất trong các quy định về ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, đề nghị Ban soạn thảo giải trình rõ các vấn đề trên trong đề xuất chính sách. | Dự thảo Nghị định theo hướng đề xuất các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản mang tính toàn diện, tập trung. Việc dẫn chiếu một số chính sách đã có tại một số văn bản khác là để tạo điều diện cho các cơ sở thuận lợi trong quá trình thực hiện.Đối với các chính sách khác chưa có, lần đầu tiên được bổ sung trong dự thảo Nghị định sẽ được nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng để không “vênh” so với các quy định hiện hành. |  |
|  |  | Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | Hầu hết các chính sách được đề xuất trong Dự thảo chỉ có một giải pháp thực hiện chính sách. Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thêm các giải pháp chính sách khác bên cạnh một giải pháp chính sách đang được đề xuất tại Dự thảo. | Tiếp thu ý kiến, tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Ban soạn thảo đều có đưa ra hai giải pháp thực hiện cho mỗi chính sách, phân tích và lựa chọn chính sách phù hợp, khả thi nhất.Trong dự thảo Tờ trình chỉ đưa ra giải pháp đã được phân tích, lựa chọn trong Báo cáo đánh giá tác động chính sách.  |  |
| 5 | Báo cáo đánh giá tác động của chính sách | Bộ Tư pháp | Đề nghị đánh giá tác động của từng chính sách theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2015/NĐ-CP (đánh giá tác động kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật) trong đề nghị xây dựng Nghị định, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết, mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do của việc lựa chọn; đánh giá tác động của các thủ tục hành chính, đánh giá tác động về giới (nếu có). Đối với mỗi chính sách đề nghị cần có giải pháp lựa chọn, trong đó có phải pháp giữ nguyên quy định hiện hành để lựa chọn. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã bổ sung phần đánh giá tác động của từng chính sách theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2015/NĐ-CP. |  |
| **III** | **NỘI DUNG KHÁC** |
| 1 | Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định | Bộ Tư pháp | Đề nghị rà soát, chỉnh sửa đề nghị xây dựng Nghị định theo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Chương II Nghị định số 34/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu ý kiến, Bộ KH&CN đã rà soát, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định tuân thủ quy định tại Nghị định số 34/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. |  |